

Số: 39 /NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 11 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Cho ý kiến về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà
nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn
vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các dự án trong nội bộ của
bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc cho ý kiến đối với Kế hoạch đầu tư công trung
hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Nghệ An;

Xét Tờ trình số 5325/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua dự kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương (đợt 2) như sau:

1. Điều chỉnh giảm số tiền: 227,307 tỷ đồng (Hai trăm hai mươi bảy tỷ, ba
trăm linh bảy triệu đồng) của 14 dự án.

2. Điều chỉnh tăng số tiền: 227,307 tỷ đồng (Hai trăm hai mươi bảy tỷ, ba
trăm linh bảy triệu đồng) cho 04 dự án.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)


Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (đề b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Thái Thanh Quý

Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Biểu kèm theo Nghị quyết số **39** /NQ-HĐND ngày **11** tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án			Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao	Năm 2021-2023		KH 2024 (bao gồm KH 2023 kéo dài sang năm 2024)	KH 2021-2025 còn lại (bao gồm số vốn KH năm 2021, 2022, 2023 không giải ngân hết bị hủy dự toán nhưng không giảm KH đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (1))	Đề xuất điều chỉnh KH giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
			yết định ngày tháng	TMĐT			Kế hoạch	Giải ngân			Giảm	Tăng	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng số			9.073.866	6.510.385	5.489.656	3.915.058	3.867.854	804.417	817.383	227.307	227.307	5.489.655
A	Đầu tư các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển			5.910.000	4.200.000	4.200.000	2.700.000	2.700.000	768.000	732.000	152.000	152.000	4.200.000
a	Danh mục dự án đề xuất điều chỉnh giảm trung hạn			4.651.000	3.200.000	3.200.000	2.180.000	2.180.000	668.000	352.000	152.000	0	3.048.000
I	Giao thông			4.651.000	3.200.000	3.200.000	2.180.000	2.180.000	668.000	352.000	152.000	0	3.048.000
1	Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76	Sở Giao thông Vận tải	CTĐT NQ số 10/NQ-HĐND 15/4/2021 2925/QĐ-UBND 13/8/2021 PDĐA	4.651.000	3.200.000	3.200.000	2.180.000	2.180.000	668.000	352.000	152.000		3.048.000
b	Danh mục dự án đề xuất điều chỉnh tăng trung hạn			1.259.000	1.000.000	1.000.000	520.000	520.000	100.000	380.000	0	152.000	1.152.000
II	Y tế, dân số và gia đình			1.259.000	1.000.000	1.000.000	520.000	520.000	100.000	380.000	0	152.000	1.152.000
1	Xây dựng Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An (giai đoạn 2)	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	09/NQ-HĐND 15/4/2021; 4035/QĐ-UBND 29/10/2021; 2964/QĐ-UBND 29/9/2022; 17/NQ-HĐND 5/5/2023; 2973/QĐ-UBND 20/9/2023	1.259.000	1.000.000	1.000.000	520.000	520.000	100.000	380.000		152.000	1.152.000
B	Danh mục dự án đề xuất điều chỉnh cùng ngành, lĩnh vực			886.887	687.979	478.732	470.609	436.561	5.000	37.171	36.068	36.068	478.731

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án			Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao	Năm 2021-2023		KH 2024 (bao gồm KH 2023 kéo dài sang năm 2024)	KH 2021-2025 còn lại (bao gồm số vốn KH năm 2021, 2022, 2023 không giải ngân hết bị hủy dự toán nhưng không giảm KH đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (1))	Đề xuất điều chỉnh KH giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
			yết định ngày tháng	TMĐT			Kế hoạch	Giải ngân			Giảm	Tăng	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Giao thông			886.887	687.979	478.732	470.609	436.561	5.000	37.171	36.068	36.068	478.731
a	Danh mục dự án đề xuất điều chỉnh giảm trung hạn			686.887	587.979	378.732	375.609	341.561	0	37.171	36.068	0	342.663
1	Hệ thống giao thông trục chính khu trung tâm từ đường ngang số 6 đến đường ngang số 11, thị xã Cửa Lò	UBND Thị xã Cửa Lò	82/QĐ-HĐND, 30/10/2015 CTĐT 5252/QĐ-UBND 27/10/2016 945/QĐ-UBND 13/4/2022	85.000	85.000	53.500	53.500	53.177		323	322		53.178
2	Đường giao thông Thành Sơn đi Thọ Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Anh Sơn	83/QĐ-HĐND 30/10/2015 CTĐT 4741 QĐ-UBND 30/9/2016	80.000	80.000	45.549	45.549	45.216		332	332		45.217
3	Đường ngang số 20 thị xã Cửa Lò đoạn từ đường dọc số III đến Đại lộ Vinh - Cửa Lò	UBND phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò	6500 08/12/2009; 1354/QĐ-UBND 12/5/2021	112.820	77.479	29.479	29.479	26.371		3.108	2.008		27.471
4	Đường giao thông từ khu trung tâm thị xã Hoàng Mai đến đèo Cờn	UBND thị xã Hoàng Mai	1440 11/4/2014; 1348 12/5/2021	87.693	50.000	20.000	16.877	16.877		3.123	3.123		16.877
5	Đường giao thông liên xã Châu Quang - Châu Thái - Châu Cường (giai đoạn 2 đoạn qua xã Châu Cường), huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.	UBND huyện Quỳnh Hợp	3905 QĐ-UBND 12/8/2016	83.000	83.000	55.204	55.204	52.697		2.507	2.507		52.697

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án			Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao	Năm 2021-2023		KH 2024 (bao gồm KH 2023 kéo dài sang năm 2024)	KH 2021-2025 còn lại (bao gồm số vốn KH năm 2021, 2022, 2023 không giải ngân hết bị huỷ dự toán nhưng không giảm KH đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (1))	Đề xuất điều chỉnh KH giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
			yết định ngày tháng	TMDT			Kế hoạch	Giải ngân			Giảm	Tăng	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6	Đường giao thông phát triển kinh tế khu vực miền Tây Nghệ An, đoạn từ trung tâm huyện Nghĩa Đàn nối đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)	UBND huyện Nghĩa Đàn	3044/QĐ-UBND 07/7/2017 1351/QĐ-UBND 12/5/2021 4125/QĐ-UBND 03/11/2021	120.800	115.000	90.000	90.000	81.663		8.337	8.336		81.663
7	Đường cứu hộ vùng lũ, đảm bảo an ninh quốc phòng các xã từ Nghĩa Lâm đến Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nghĩa Đàn	74/QĐ-HĐND, 27/10/2015 3538 04/8/2017 1350 12/5/2021 3819/QĐ-UBND 15/10/2021	117.574	97.500	85.000	85.000	65.560		19.440	19.440		65.560
b	Danh mục dự án đề xuất điều chỉnh tăng trung hạn			200.000	100.000	100.000	95.000	95.000	5.000	0	0	36.068	136.068
1	Tuyến đường tránh QL 1A đoạn Quỳnh Hậu - Quỳnh Hồng - Quỳnh Diễm - Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	18/NQ-HĐND 13/5/2021 4652/QĐ-UBND 01/12/2021	200.000	100.000	100.000	95.000	95.000	5.000			36.068	136.068
C	Danh mục dự án đề xuất điều chỉnh khác ngành, lĩnh vực			2.276.979	1.622.406	810.924	744.449	731.293	31.417	48.212	39.239	39.239	810.924
a	Danh mục dự án đề xuất điều chỉnh giảm trung hạn			1.818.156	1.362.305	550.823	497.449	490.673	20.726	39.423	39.239	0	511.584
I	Khu công nghiệp và khu kinh tế			1.425.176	1.230.049	429.941	409.915	407.191	20.026	2.723	13.721	0	416.220
1	Đường ngang N2-KKT Đông Nam Nghệ An	Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	2195/QĐ.UBND.C N 25/05/2010; 1359/QĐ-UBND 12/5/2021 3788/QĐ-UBND 14/10/2021	405.070	404.131	133.507	133.507	131.315		2.192	2.191		131.316

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án			Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao	Năm 2021-2023		KH 2024 (bao gồm KH 2023 kéo dài sang năm 2024)	KH 2021-2025 còn lại (bao gồm số vốn KH năm 2021, 2022, 2023 không giải ngân hết bị huỷ dự toán nhưng không giảm KH đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 (1))	Đề xuất điều chỉnh KH giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
			yết định ngày tháng	TMĐT			Kế hoạch	Giải ngân			Giảm	Tăng	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Đường ngang N5 (đoạn 2) trong KKT Đông Nam Nghệ An	Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	2871/QĐ-UBND-CN 25/7/2011; 497/QĐ-UBND 08/2/2017; 1361/QĐ-UBND 12/5/2021; 1878/QĐ-UBND 15/6/2021	750.106	625.918	115.326	115.326	115.044		282	281		115.045
3	Cầu vượt đường sắt tại đường N2 - Khu Kinh tế Đông Nam	Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	18/NQ-HĐND 13/5/2021 3873/QĐ-UBND 20/10/2021	150.000	150.000	150.000	129.974	129.974	20.026		11.000		139.000
4	Hệ thống xử lý nước thải tại KCN Đông Hội (giai đoạn 1)	Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	5039/QĐ-UBND.ĐT 30/10/2015 PDDA; 1363/QĐ-UBND 12/5/2021	120.000	50.000	31.108	31.108	30.858		249	249		30.859
II	Quốc phòng			120.000	106.290	94.916	83.734	80.012	0	14.904	3.722	0	91.194
1	Nâng cấp tuyến đường giao thông Châu Bình, Châu Thuận, Châu Hội, Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	5324/QĐ-UBND 31/10/2016 PDDA, 1372 13/5/2021	120.000	106.290	94.916	83.734	80.012	0	14.904	3.722		91.194
III	Tài nguyên			272.980	25.966	25.966	3.800	3.470	700	21.796	21.796	0	4.170
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nghệ An	Sở Tài nguyên và Môi trường	1236/QĐ-BTNMT 30/5/2016 2139/QĐ-TTg 20/12/2021, 2531/QĐ-BTNMT 22/12/2021	272.980	25.966	25.966	3.800	3.470	700	21.796	21.796		4.170

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án			Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao	Năm 2021-2023		KH 2024 (bao gồm KH 2023 kéo dài sang năm 2024)	KH 2021-2025 còn lại (bao gồm số vốn KH năm 2021, 2022, 2023 không giải ngân hết bị hủy dự toán nhưng không giảm KH đầu tư công trung hạn GĐ 2021-2025 (1))	Đề xuất điều chỉnh KH giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
			yết định ngày tháng	TMĐT			Kế hoạch	Giải ngân			Giảm	Tăng	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
b	Danh mục dự án đề xuất điều chỉnh tăng trung hạn			458.823	260.101	260.101	247.000	240.621	10.691	8.789	0	39.239	299.340
IV	Giao thông			148.823	105.101	105.101	92.000	92.000	10.691	2.410	0	18.000	123.101
1	Cải tạo nâng cấp đường nối ĐT534B từ xã Tân An, huyện Tân Kỳ với ĐT534D tại xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ đi đường Hồ Chí Minh và đi Cây Chanh huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Tân Kỳ	18/NQ-HĐND 13/5/2021; 27/NQ-HĐND 14/7/2022; 24/NQ-HĐND 7/7/2023; 4067/QĐ-UBND 30/10/2021; 2690/QĐ-UBND 07/9/2022; 3453/QĐ-UBND 24/10/2023	148.823	105.101	105.101	92.000	92.000	10.691	2.410		18.000	123.101
V	Du lịch			310.000	155.000	155.000	155.000	148.621	0	6.379	0	21.239	176.239
1	Nâng cấp, mở rộng đường Bình Minh thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	18/NQ-HĐND 13/5/2021 4037/QĐ-UBND 29/10/2021	310.000	155.000	155.000	155.000	148.621		6.379		21.239	176.239

Ghi chú: Theo quy định tại Khoản 4 mục III Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 08/6/2022, khoản 4 mục III Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/5/2023; khoản 4 mục II Nghị quyết 44/NQ-CP ngày 05/4/2024 của Chính phủ